

TOÀ ÁN ND Q.LIÊN CHIỀU
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
Bản án số: 20/2017/HNGĐ-ST
Ngày 24.7.2017
V/v tranh chấp: “Ly hôn”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
☐
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỀU, TP ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thanh Thủy**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Ngô Văn Sỹ**.

2/ Ông **Nguyễn Công Chi**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Trinh** - Thư ký Tòa án nhân dân quận LC, Tp Đà Nẵng.

Ngày 24 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận LC, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 119/2017/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 04 năm 2017 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị T** - sinh năm 1987 (có mặt)

- Bị đơn: Ông **Phan Viết Hoàng N** - sinh năm 1985 (vắng mặt)

Cùng trú tại: Số 438 T, tổ 66, phường H, quận L, TP Đà Nẵng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Phan Viết Hoàng N kết hôn năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam, hôn nhân giữa chúng tôi là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn thì chúng tôi chung sống tại tổ 66, phường H, quận L, TP Đà Nẵng.

Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không thể tìm thấy tiếng nói chung về mọi vấn đề trong cuộc sống. Ngoài ra, do kết hôn đã lâu nhưng hai vợ chồng không có con chung nên cuộc sống vợ chồng ngày càng áp lực, mâu thuẫn. Mặc dù đã cố gắng hàn gắn và đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vào năm 2015 hai vợ chồng đã sống ly thân, người nào chỉ biết bốn phận người đó, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay xét thấy mâu thuẫn đã quá trầm trọng, không thể tiếp tục sống chung, tình cảm vợ chồng không

còn, quan hệ hôn nhân không thể duy trì nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

- **Về quan hệ con chung, tài sản chung, nợ chung:** Không có.

* Bị đơn là ông Phan Viết Hoàng N không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 25.5.2017, không tham gia phiên hòa giải vào ngày 12.6.2017 mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Tranh chấp ly hôn giữa bà Nguyễn Thị T và ông Phan Viết Hoàng N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận L, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho đương sự vắng mặt theo quy định tại Điều 208, 209, 210, 211 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, không có đương sự nào xuất trình thêm chứng cứ mới.

Tại phiên tòa lần thứ nhất ngày 30.6.2017 và cũng như phiên tòa hôm nay Tòa án đã triệu tập, niêm yết công khai Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa đối với bị đơn là ông Phan Viết Hoàng N, nhưng ông Phan Viết Hoàng N vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Phan Viết Hoàng N.

2. Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với ông Phan Viết Hoàng N thì thấy:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Bà Nguyễn Thị T và ông Phan Viết Hoàng N có thời gian tìm hiểu và tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam vào năm 2008. Theo bà Nguyễn Thị T trình bày thì trong quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, hai vợ chồng kết hôn đã lâu nhưng không có con chung. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm hôm nay bị đơn là ông Phan Viết Hoàng N mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T. Theo đơn trình bày ngày 19.5.2017 của bà

Nguyễn Thị T thì chính quyền địa phương xác nhận cuộc sống vợ chồng giữa bà Thu, ông Nguyễn thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và việc vợ chồng ông bà sống ly thân là có thật. Qua đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc bà Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- **Về quan hệ con chung, tài sản chung, nợ chung:** Bà Nguyễn Thị T khai nhận không có nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

Nếu sau này bà Nguyễn Thị T và ông Phan Viết Hoàng N có tranh chấp về vấn đề con chung, tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác.

- **Về án phí:** Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì: bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Các Điều 51, 53, 54, 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với ông Phan Viết Hoàng N.

Tuyên xử:

1. Bà Nguyễn Thị T - sinh năm 1987 được ly hôn với ông Phan Viết Hoàng N - sinh năm 1985.

Giấy chứng nhận kết hôn số 04 quyền số 01 ngày 10.01.2008 của UBND xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam không còn giá trị pháp lý.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) bà Nguyễn Thị T phải nộp, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0006936 ngày 21.4.2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận L- TP Đà Nẵng. Bà Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay, ngày 24.7.2017.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS quận L;
- Chi cục Thi hành án quận L;
- UBND xã D, huyện D,
tỉnh Quảng Nam;
- Hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Phạm Thanh Thủy